

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Quản trị kinh doanh Mã số: 7340101

1. Thông tin chung

1.1. Tên học phần: Tài chính – tiền tệ	1.2. Tên tiếng Anh: Monetary finance
1.3. Mã học phần: KTTCTT.018	1.4. Số tín chỉ: 03
1.5. Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	40 tiết
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	5 tiết
- Tự học:	90 tiết
1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	TS. Bùi Khắc Hoài Phương
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Các giảng viên bộ môn Tài chính – kinh tế cơ sở theo sự phân công
1.7. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không có
- Học phần học trước:	Không có
- Học phần song hành:	Không có

2.1. Mục tiêu chung

Kết thúc môn học này, sinh viên có khả năng hiểu được các thông tin cơ bản về tài chính – tiền tệ; mô tả và giải thích được cơ chế vận hành của hệ thống tài chính và thị trường tài chính, sự luân chuyển các nguồn tài chính trong hệ thống tài chính; phân tích được mối quan hệ giữa tiền tệ, tín dụng, lãi suất và thị trường tài chính. Vận dụng những kiến thức học được từ môn học này, sinh viên có thể: (i) lý giải các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực tài chính - tiền tệ (ii) làm cơ sở cho việc phân tích sâu hơn các vấn đề có liên quan trong những môn học khác. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được phát triển kỹ năng làm việc theo nhóm, thái độ tích cực, chủ động để đáp ứng tốt hơn cho công việc của mình.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức

- Có khả năng tổng hợp được khối kiến thức về tài chính – tiền tệ, bao gồm lý luận cơ bản về tài chính và cấu trúc hệ thống tài chính, lý luận cơ bản về tiền tệ; Khái quát những nội dung cơ bản các khâu trong hệ thống tài chính: tài chính công, tài chính doanh nghiệp; các định chế tài chính trung gian, tín dụng và lãi suất hoạt động thị trường tài chính; Các nghiệp vụ của ngân hàng thương mại và ngân hàng trung ương.

- Có kiến thức chuyên sâu về lý thuyết tài chính – tiền tệ, phân tích được sự vận động và cơ chế tác động của các công cụ tài chính, từ đó đánh giá được hiệu quả thực thi của chính sách tiền tệ. Hiểu được các nghiệp vụ chủ yếu của ngân hàng thương mại, từ đó đánh giá và phân tích được hoạt động cơ bản của ngân hàng, vận dụng kiến thức để đánh giá được hiệu quả hoạt động của các tổ chức tài chính.

2.2.2. Về kỹ năng

Sinh viên vận dụng những kiến thức cơ bản trong môn học để hình thành các kỹ năng như phân tích báo cáo tài chính, phân tích các chỉ số tài chính trong báo cáo tài chính, phân tích, đánh giá hoạt động của thị trường tài chính và các khâu tài chính như tài chính công, tài chính doanh nghiệp, quan sát, phân tích và nhận biết các hoạt động của các khâu tài chính, thị trường tài chính, các trung gian tài chính, kỹ năng phân tích, xử lý các thông tin đã thu thập để bình luận, đánh giá hoạt động của các khâu tài chính, trung gian tài chính, thị trường tài chính, các hoạt động thu chi ngân sách của Nhà nước.

2.2.3. Về thái độ

Sinh viên cần có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc để đạt được các tiêu chuẩn đạo đức, chuyên môn trong công việc, có tinh thần hợp tác, làm việc theo nhóm, thái độ thiện chí trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến công việc, có tinh thần, trách nhiệm cao trong công việc..

3. Chuẩn đầu ra (CLO)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO
CLO1	Có kiến thức lý thuyết toàn diện, kiến thức vững chắc về các nội dung tài chính, tiền tệ và ngân hàng.
CLO2	Sinh viên vận dụng những kiến thức đã học để hình thành các kỹ năng phân tích báo cáo tài chính, phân tích, đánh giá hoạt động của thị trường tài chính, phân tích, xử lý các thông tin về hoạt động của hệ thống tài chính, trung gian tài chính, thị trường tài chính, các hoạt động thu chi ngân sách của Nhà nước.
CLO3	Kỹ năng tự học, tư duy sáng tạo, phân tích, tổng hợp và vận dụng sáng tạo kiến

	thức được học để giải quyết vấn đề gặp phải; kỹ năng làm việc theo nhóm và kỹ năng làm việc độc lập.
CLO4	Sinh viên được cung cấp kiến thức chuyên môn và các kỹ năng mềm nhằm độc lập, tự chủ thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau, có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, có khả năng chỉ đạo và tổ chức thực hiện các hoạt động chuyên môn.

4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
CLO 1	R	M	R	I	I			I				I
CLO 2	M	M	M	R	I	R	R	R		M	I	R
CLO 3	M		M	R		I		I	I	M	I	M
CLO 4			M	R		I		I		M		R
Tổng hợp học phần	M	M	M	R	I	I	R	I	I	M	I	R

Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

5. Đánh giá

a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV

Thành phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu X nếu có)	Lquan đến CDR nào ở bảng 1	Hướng dẫn phương pháp đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ)	10%			X	CLO3	Đánh giá theo Rubric 1
A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	30%	A2.1. Nội dung cơ bản về tiền tệ và tài chính	30%	X	CLO 1 CLO 2	Đánh giá theo Rubric 3; kiểm tra viết theo thang điểm 10; Bài tiểu luận
		A2.2. Nội dung về thị trường tài chính, hoạt động cơ bản của hệ thống ngân hàng.	30%	X	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4	
		A2.3. Các bài tập về lãi suất	40%	X	CLO 1 CLO 2	
A3. Đánh giá cuối kỳ	60%	Bài thi cuối kỳ: Viết/ vấn đáp/ Bài tập lớn		X	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4	Theo bài kiểm tra viết thang điểm 10 hoặc Rubric 5, Rubric 6.

Ghi chú: Tùy theo yêu cầu, đặc điểm của từng học phần, bộ môn có thể điều chỉnh thành phần và trọng số, trọng số con của các thành phần đánh giá. Tuy nhiên, phải đảm bảo đánh giá cuối kỳ không dưới 50%.

b. Yêu cầu đối với học phần: Sinh viên phải tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $> 20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần

Tuần	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 2 số)	Số tiết (LT, BT/ TH/ TT)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CĐR nào ở bảng 1	PP giảng dạy , tài liệu và cơ sở vật chất, thiết bị cần thiết để đạt CĐR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 3)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Chương 1: Đại cương về tài chính và tiền tệ 1.1. Nguồn gốc và bản chất của tiền tệ 1.2. Các chức năng của tiền 1.3 Các hình thái tiền tệ 1.4 Khôi tiền tệ 1.5 Hệ thống tài chính	4 LT	- Có kiến thức lý thuyết về bản chất của tiền tệ, giá trị sử dụng và giá trị của tiền, hiểu được sự phát triển của các loại tiền tệ, các chức năng cơ bản của tiền; - Sinh viên nắm và hiểu rõ các chức năng của tiền tệ và bản chất của tài chính, vận dụng và hiểu được chức năng của tài chính, hiểu được vai trò của các khâu tài chính trong hệ thống tài chính	CLO1 CLO2 CLO3	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn Thuyết giảng, đối thoại, giải quyết vấn đề, câu hỏi gợi mở, đặt tình huống và giải quyết tình huống.	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (tài liệu [1]) - Phần chuẩn bị trên lớp: đặt câu hỏi, trả lời câu hỏi	A1
2	Chương 2: Ngân	4 LT	Nắm được những nội dung cơ bản liên	CLO1	GV sử dụng tài liệu [1],	- Phần chuẩn bị ở	A1

	sách nhà nước 2.1. Khái niệm 2.2 Vai trò của ngân sách nhà nước		quan đến Ngân sách nhà nước và vai trò của ngân sách đối với nền kinh tế của một quốc gia: vai trò thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; đảm bảo công bằng xã hội; ổn định thị trường giá cả, chống lạm phát	CLO2	máy tính và projector để hướng dẫn. Thuyết giảng, đối thoại, giải quyết vấn đề, câu hỏi gợi mở, đặt tình huống và giải quyết tình huống, đóng vai.	nhà: Đọc trước nội dung (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [[2], [3], [4]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	A2.1
3	Chương 2: Tiếp theo 2.2. Thu ngân sách nhà nước 2.3. Chi ngân sách nhà nước 2.4 Cân đối ngân sách nhà nước	4 LT	Có kiến thức về hoạt động thu – chi ngân sách nhà nước. Phân tích được các nội dung thu và chi ngân sách, vận dụng các kiến thức để đánh giá thực trạng thu chi ngân sách nhà nước, từ đó đề xuất các kiến nghị nhằm đảm bảo cân đối thu chi ngân sách nhà nước của từng địa phương cụ thể và ngân sách trung ương.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn Thuyết giảng, đối thoại, giải quyết vấn đề, câu hỏi gợi mở, đặt tình huống và giải quyết tình huống, đóng vai.	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	
4	Chương 3: Tài	4LT	Nắm vững kiến thức về tài chính		GV sử dụng tài liệu [1],	- Phần chuẩn bị ở	A1

	chính doanh nghiệp 3.1 Khái niệm 3.2 Nguồn vốn kinh doanh và các giải pháp huy động 3.3 Chi phí kinh doanh và giá thành sản phẩm của doanh nghiệp 3.4 Thu nhập và lợi nhuận của doanh nghiệp		doanh nghiệp. Đánh giá nguồn vốn và các kênh huy động vốn của doanh nghiệp. Đánh giá chi phí doanh và giá thành sản phẩm của doanh nghiệp. Xác định được thu nhập và lợi nhuận của doanh nghiệp	CLO1 CLO2 CLO3	máy tính và projector để hướng dẫn Thuyết giảng, đối thoại, giải quyết vấn đề, câu hỏi gợi mở, đặt tình huống và giải quyết tình huống.	nhà: Đọc trước nội dung (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	
5	Chương 4: Thị trường tài chính 4.1 Khái niệm 4.2 Cấu trúc thị trường tài chính	4LT	Nắm được những nội dung cơ bản về thị trường tài chính và cấu trúc của thị trường tài chính	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn Thuyết giảng, đối thoại, giải quyết vấn đề, câu hỏi gợi mở, đặt tình huống và giải quyết tình huống.	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	A1 A2.2.

6	Chương 4: Tiếp theo 4.3 Các công cụ của thị trường tài chính 4.4 Những rào cản trong kênh tài chính trực tiếp	3 LT 1 BT	Nắm được các kiến thức chuyên sâu về các công cụ của thị trường tài chính: cổ phiếu, trái phiếu, thương phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi; Phân tích được những rào cản và hạn chế của kênh tài chính trực tiếp.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn Thuyết giảng, đối thoại, giải quyết vấn đề, câu hỏi gợi mở, đặt tình huống và giải quyết tình huống, đóng vai.	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	
7	Chương 5: Ngân hàng thương mại 5.1 Khái niệm 5.2 Chức năng của ngân hàng thương mại	3LT 1BT	Nắm được nội dung cơ bản về ngân hàng thương mại, các chức năng của ngân hàng thương mại: chức năng thanh toán; chức năng tín dụng; chức năng tạo tiền	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn Thuyết giảng, đối thoại, giải quyết vấn đề, câu hỏi gợi mở, đặt tình huống và giải quyết tình huống, đóng vai.	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	

8	Chương 5: Tiếp theo 5.3 Các nghiệp vụ của ngân hàng thương mại	3 LT 1 BT	Nắm được nội dung các hoạt động cơ bản của ngân hàng thương mại: nghiệp vụ sử dụng vốn, nghiệp vụ huy động vốn, nghiệp vụ trung gian. Phân tích được các giải pháp huy động vốn cũng như các hoạt động cấp tín dụng của ngân hàng thương mại, vận dụng đánh giá tổng quan về hoạt động cơ bản của ngân hàng thương mại.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn Thuyết giảng, đối thoại, giải quyết vấn đề, câu hỏi gợi mở, đặt tình huống và giải quyết tình huống, đóng vai.	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	A1 A2.2
9	Chương 6: Ngân hàng trung ương và chính sách tiền tệ quốc gia 6.1 Khái niệm 6.2 Chức năng của ngân hàng trung ương 6.3 Chính sách tiền tệ quốc gia	3 LT 1 BT	Nắm được những nội dung cơ bản về ngân hàng trung ương: khái niệm, chức năng của ngân hàng trung ương. Có kiến thức về các công cụ tài chính và giải thích được cơ chế tác động của các công cụ của chính sách tiền tệ.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn Thuyết giảng, đối thoại, giải quyết vấn đề, câu hỏi gợi mở, đặt tình huống và giải quyết tình huống, đóng vai.	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	

10	Chương 7: Lãi suất 7.1 Khái niệm lãi suất 7.2 Một số phân biệt về lãi suất	3LT	Nắm được khái niệm về lãi suất, phân biệt các loại lãi suất, vai trò của lãi suất đối với nền kinh tế.	CLO1 CLO2	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn Thuyết giảng, đối thoại, giải quyết vấn đề, câu hỏi gợi mở, đặt tình huống và giải quyết tình huống.	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	A1 A2.3
11	Chương 7: Tiếp theo 7.3 Phương pháp tính lãi suất	3 LT 1BT	Tính toán được các bài toán về lãi suất, vận dụng được các tính lãi của các công cụ tài chính và có những đề xuất huy động vốn cho doanh nghiệp, cá nhân với chi phí huy động vốn tối ưu.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn Thuyết giảng, đối thoại, giải quyết vấn đề, câu hỏi gợi mở, đặt tình huống và giải quyết tình huống, đóng vai.	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi	
12	Chương 7: Tiếp theo 7.4 Các nhân tố ảnh	2LT	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến lãi suất.	CLO1 CLO2	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để		

	hướng đến lãi suất			CLO3 CLO4	hướng dẫn Thuyết giảng, đối thoại, giải quyết vấn đề, câu hỏi gợi mở, đặt tình huống và giải quyết tình huống.		
Theo lịch thi	Kiểm tra cuối kì						A3

(*) Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/BT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, bài tập, thực hành, thực tập của từng chương
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà

7. Học liệu

Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
	Giáo trình chính			
1	TS. Bùi Khắc Hoài Phương	2021	<i>Bài giảng Tài chính tiền tệ</i>	Lưu hành nội bộ, Trường Đại học Quảng Bình.
	Sách, giáo trình tham khảo			
2	PGS.TS. Tô Kim Ngọc	2012	<i>2012 Giáo trình tiền tệ - ngân hàng</i>	NXB Dân Trí
3	Mai Siêu, Dương Đức Hật	2005	<i>Giáo trình Tài chính và tiền tệ,</i>	NXB Thống kê.
4	TS. Bùi Khắc Hoài Phương	2021	<i>Giải pháp phát triển bền vững hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam phù hợp với xu thế hội nhập</i>	NXB Đại học Huế

8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường A	<i>Projector, máy tính cá nhân</i>	1	<i>Chương 1</i>
2	Giảng đường A	<i>Projector, máy tính cá nhân</i>	1	<i>Chương 2</i>
3	Giảng đường A	<i>Projector, máy tính cá nhân</i>	1	<i>Chương 3</i>
4	Giảng đường A	<i>Projector, máy tính cá nhân</i>	1	<i>Chương 4</i>
5	Giảng đường A	<i>Projector, máy tính cá nhân</i>	1	<i>Chương 5</i>
6	Giảng đường A	<i>Projector, máy tính cá nhân</i>	1	<i>Chương 6</i>
7	Giảng đường A	<i>Projector, máy tính cá nhân</i>	1	<i>Chương 6</i>
8	Giảng đường A	<i>Projector, máy tính cá nhân</i>	1	<i>Chương 7</i>

9. Rubric đánh giá

Đánh giá chuyên cần (Attendace Check): Rubric 1

Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Chuyên cần	Không đi học (<30%).	Đi học không chuyên cần (<50%).	Đi học khá chuyên cần (<70%).	Đi học chuyên cần (<90%).	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (>=90 %).	50%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	50%

Đánh giá bài tập (Work Assignment): Rubric 3**Rubric 3: Bài tập (Work Assignment)**

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nộp bài tập	Không nộp bài tập hoặc hoàn thành <30% khối lượng công việc được giao	Nộp bài tập hoàn thành <50% khối lượng công việc được giao. Chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập hoàn thành <70% khối lượng công việc được giao. Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập hoàn thành <90% khối lượng công việc được giao. Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ >=90% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định.	20%
Trình bày bài tập	Kém	Còn rất nhiều lỗi	Còn nhiều lỗi	Tương đối tốt	Rất tốt	30%
Nội dung bài tập	Không có bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Nội dung đúng, rõ ràng.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	50%

Đánh giá kiểm tra viết (Written Exam): Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn.

Đánh giá thi vấn đáp (Oral Exam): Rubric 5.

Rubric 5: Thi vấn đáp (Oral Exam)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Thái độ trả lời câu hỏi	Thái độ giao tiếp, trả lời thô lỗ, không hợp tác, thiếu tôn trọng trong giao tiếp. Sử dụng thuật ngữ không phù hợp, giọng nói khó nghe.	Thái độ giao tiếp, trả lời câu hỏi lễ độ. Sử dụng các thuật ngữ trong câu trả lời phức tạp, khó hiểu. Giọng nói nhỏ, thiếu tự tin.	Thái độ giao tiếp, trả lời nhẹ nhàng, hòa nhã. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe. Thuật ngữ sử dụng trong câu trả lời phù hợp, dễ hiểu.	Thái độ trong câu trả lời tự tin, từ tốn, nhẹ nhàng, điềm đạm. Thuật ngữ sử dụng trong câu trả lời đơn giản, dễ hiểu. Giọng nói lưu loát, rõ ràng.	Thái độ giao tiếp, trả lời rất tự tin, Giọng nói rõ ràng, lưu loát. thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe.	20%
Nội dung trả lời	Các câu trả lời hoàn toàn không liên quan đến câu hỏi.	Các câu trả lời không rõ ràng, gần như không liên, không tập trung vào trọng tâm của câu hỏi.	Các câu trả lời đúng trọng tâm câu hỏi, liên quan đến câu hỏi nhưng thiếu tự tin trong các câu trả lời.	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan đến câu hỏi yêu cầu. Thể hiện sự tự tin về sự hiểu biết trong câu trả lời, lập luận giải thích chưa thuyết phục.	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan trực tiếp đến câu hỏi yêu cầu; tự tin trong câu trả lời; lập luận, giải thích cho câu hỏi hoàn toàn thuyết phục.	80%

Đánh giá báo cáo (Written Report)

Rubric 6: Báo cáo (Written Report)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung báo cáo	Không có hoặc nội dung được trình bày trong báo cáo không phù hợp với yêu cầu.	Nội dung trình bày trong báo cáo đầy đủ theo yêu cầu. Tính toán sai, không cụ thể, không đáp ứng yêu cầu.	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, còn một số nhầm lẫn trong tính toán, một số nội dung chưa hợp lý	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, trình tự tính toán hợp lý, tính toán chính xác. Kết quả tính toán và chọn chưa có giải thích cụ thể, chưa thuyết phục.	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, tính toán chi tiết, rõ ràng, logic, trình tự tính toán hợp lý. Kết quả tính toán và chọn có sự phân tích, lý giải cụ thể, rõ ràng và thuyết phục.	60%
Trình bày báo cáo	Không có hoặc nội dung được trình bày trong báo cáo không phù hợp với yêu cầu.	Trình tự trình bày trong báo cáo không đúng. Nội dung phù hợp theo yêu cầu. Hình vẽ, bảng biểu còn nhiều mâu thuẫn với nội dung.	Nội dung, trình tự trình bày báo cáo phù hợp theo yêu cầu. Trình bày còn một số lỗi về chính tả, kích thước, ghi chú chưa đầy đủ.	Nội dung phù hợp. Trình tự, cấu trúc logic, rõ ràng đáp ứng yêu cầu. Hình ảnh, bảng biểu rõ ràng, logic, ghi chú phù hợp. Thể hiện kỹ năng soạn thảo văn bản còn hạn chế.	Nội dung phù hợp. Trình tự, cấu trúc logic, rõ ràng đáp ứng yêu cầu. Hình ảnh, bảng biểu rõ ràng, logic, ghi chú phù hợp. Thể hiện việc sử dụng thành thạo máy tính trong trình bày báo cáo.	40%

Quảng Bình, ngày....tháng....năm 2021

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

TS. Trần Tự Lực

Bùi Khắc Hoài Phương

Bùi Khắc Hoài Phương

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Quản trị kinh doanh Mã số: 7340101

1. Thông tin chung

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Kết thúc môn học này, sinh viên hiểu được các kiến thức cơ bản về hoạt động đầu tư, môi trường đầu tư, đầu tư phát triển trong doanh nghiệp. Từ đó có thể vận dụng các kiến thức đã học vào hoạt động thực tế. Sinh viên hiểu được bản chất của nguồn vốn đầu tư trên góc độ vi mô, vĩ mô, điều kiện huy động có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư. Người học hiểu được các nhân tố cấu thành và tác động của các yếu tố này đến ý định và hành vi đầu tư, từ đó nắm bắt được mối quan hệ giữa môi trường đầu tư và chi phí đầu tư, mức độ rủi ro và rào cản cạnh tranh trên thị trường. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được phát triển kỹ năng làm việc theo nhóm, thái độ tích cực, chủ động để đáp ứng tốt hơn cho công việc của mình.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức

- Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về đầu tư và dự án đầu tư, vận dụng để lập dự án và thẩm định, đánh giá hiệu quả dự án đầu tư.

- Sinh viên vận dụng được các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả tài chính, hiệu quả kinh tế - xã hội của các dự án đầu tư, từ đó có thể vận dụng để đánh giá các dự án, so sánh, lựa chọn các dự án khả thi hơn.

- Sinh viên có thể vận dụng các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả tài chính để đánh giá các dự án đầu tư, cũng như lựa chọn các dự án phù hợp với mục tiêu và điều kiện của nhà đầu tư.

2.2.2. Về kỹ năng

Từ các kiến thức đã học, sinh viên có thể vận dụng để tự lập cho mình một dự án đầu tư khả thi, tự lập kế hoạch huy động vốn, ước lượng doanh thu, chi phí, lập báo cáo ngân lưu của dự án và thẩm định về mặt tài chính của dự án.

2.2.3. Về thái độ

Sinh viên cần có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc để đạt được các tiêu chuẩn đạo đức, chuyên môn trong công việc, có tinh thần hợp tác, làm việc theo nhóm, thái độ thiện chí trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến công việc, có tinh thần, trách nhiệm cao trong công việc.

3. Chuẩn đầu ra (CLO)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO
CLO1	Hiểu các kiến thức tổng quan về đầu tư, dự án đầu tư, lập và thẩm định dự án đầu tư.
CLO2	Phân tích được các nội dung cơ bản về thị trường, công nghệ, các yếu tố đầu vào của một dự án đầu tư.
CLO3	Biết dự tính vốn đầu tư, doanh thu, chi phí, lãi lỗ, xây dựng ngân lưu, tính toán các chỉ tiêu hiệu quả tài chính và phân tích rủi ro tài chính của một dự án đầu tư, biết sử dụng phần mềm để phân tích tài chính dự án đầu tư.
CLO4	Xây dựng ngân lưu theo quan điểm kinh tế và tính toán, phân tích các chỉ tiêu hiệu quả kinh tài chính của dự án đầu tư. Có kỹ năng thẩm định dự án thông qua ứng dụng các kiến thức được học vào phân tích và thẩm định một dự án cụ thể
CLO5	Phát triển kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình và khả năng tư duy độc lập.

4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
CLO 1	R	R	R					M		R		I
CLO 2			R	R	I	R	M		I	M	I	R
CLO 3	M	R	M	M	I	M	M	M	R	M	M	M
CLO 4	M	R	M	M		M	R	M,A	R	M	M	M
CLO5	M	M	R					M	I	R		
Tổng hợp học phần	M	R	R	M	I	M	M	M,A	R	M	M	M

Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

5. Đánh giá

a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV

Thành phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu X nếu có)	Liên quan đến CDR nào ở bảng 1	Hướng dẫn phương pháp đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ)	10%			X	CLO5	<i>Đánh giá theo Rubric 1</i>
A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	15%	A2.1. Nội dung về giá trị thời gian của tiền và ứng dụng vào tính toán các chỉ tiêu đánh giá dự án đầu tư	30%	X	CLO 1	<i>Đánh giá theo Rubric 3; kiểm tra viết theo thang điểm 10 Bài tiểu luận</i>
		A2.2. Phương pháp lập báo cáo ngân lưu của dự án	30%	X	CLO 3 CLO 4	
		A2.3. Phân tích, thẩm định, lựa chọn dự án đầu tư	40%	X	CLO 2 CLO 3 CLO 4	
A3. Lập dự án	15%	A.3. Lập dự án đầu tư độc lập và thẩm định dự án		X	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4	<i>Đánh giá theo Rubric 4</i>
A4. Đánh giá cuối kỳ	60%	Bài thi cuối kỳ: Viết hoặc bài tập lớn		X	CLO 1 CLO 2 CLO 3	<i>Theo bài kiểm tra viết thang điểm 10 hoặc Rubric 6</i>

					CLO 4	
--	--	--	--	--	-------	--

Ghi chú: Tùy theo yêu cầu, đặc điểm của từng học phần, bộ môn có thể điều chỉnh thành phần và trọng số, trọng số con của các thành phần đánh giá. Tuy nhiên, phải đảm bảo đánh giá cuối kỳ không dưới 50%.

b. Yêu cầu đối với học phần: Sinh viên phải tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $> 20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần

Tuần	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 2 số)	Số tiết (LT, BT/ TH/ TT)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CĐR nào ở bảng 1	PP giảng dạy , tài liệu và cơ sở vật chất, thiết bị cần thiết để đạt CĐR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 3)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Chương 1: Một số vấn đề chung về đầu tư và dự án đầu tư 1.1 Đầu tư và hoạt động đầu tư vốn 1.2 Dự án đầu tư	4 LT	Nắm được nội dung cơ bản về hoạt động đầu tư và dự án đầu tư: đặc điểm của dự án đầu tư, phân loại dự án đầu tư. Phân tích được các nội dung cụ thể của dự án tiền khả thi và khả thi.	CLO1 CLO2	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. - Thuyết giảng, đối thoại, giải quyết vấn đề, câu hỏi gợi mở.	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (tài liệu [1]) - Phần chuẩn bị trên lớp: đặt câu hỏi, trả lời câu hỏi	A1

2	Chương 2 Giá trị theo thời gian của tiền tệ 2.1 Dòng tiền tệ 2.2 Giá trị tương lai của tiền tệ	2LT	Nắm rõ lý thuyết về giá trị theo thời gian của tiền. Tính toán các bài toán về lãi suất, giá trị hiện tại và tương lai của tiền. Ứng dụng kiến thức lý thuyết nhằm xác định các phương án lựa chọn thanh toán, huy động vốn của dự án đầu tư.		GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. - Thuyết giảng, đối thoại, giải quyết vấn đề, câu hỏi gợi mở.	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [[2], [3], [4]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	A1 A2.1
3	Chương 2 Tiếp theo 2.3 Giá trị hiện tại của tiền tệ	2LT 1BT			GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. - Thuyết giảng, đối thoại, giải quyết vấn đề, câu hỏi gợi mở.	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	
4	Chương 3 báo cáo ngân lưu tài chính của dự án đầu tư 3.1 Khái niệm	3LT 1BT	Nắm vững lý thuyết về báo cáo ngân lưu của dự án đầu tư. Vận dụng lập báo cáo ngân lưu của dự án đầu tư theo phương pháp trực tiếp.		GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn.	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên	A1 A2.2

	3.2 Giải đồ ngân lưu của dự án				- Thuyết giảng, đối thoại, giải quyết vấn đề, câu hỏi gợi mở.	quan ở các tài liệu [2], [3], [4]. - Phân chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	
5	Chương 3 Tiếp theo 3.3 Xây dựng báo cáo ngân lưu theo phương pháp trực tiếp	3 LT 1 BT			GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. - Thuyết giảng, đối thoại, giải quyết vấn đề, câu hỏi gợi mở.		
6	Chương 3 Tiếp theo 3.4 Báo ngân lưu theo quan điểm tổng đầu tư	3LT 1BT			GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. - Thuyết giảng, đối thoại, giải quyết vấn đề, câu hỏi gợi mở.		

7	Chương 3 Tiếp theo 3.5 Báo ngân lưu theo quan điểm chủ sở hữu	3 LT 1 BT			GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. - Thuyết giảng, đối thoại, giải quyết vấn đề, câu hỏi gợi mở.		
8	Chương 4 các chỉ tiêu phân tích tài chính dự án đầu tư 4.1 Suất chiết khấu của dự án	3LT 1BT	Sinh viên hiểu rõ phương pháp đánh giá kết quả của hoạt động đầu tư phát triển; SV hiểu rõ về chỉ tiêu đánh giá hiệu quả tài chính dự án. - Sinh viên phân biệt được sự khác nhau giữa hiệu quả và kết quả của hoạt động đầu tư. Sinh viên vận dụng làm bài tập đánh giá hiệu quả tài chính dự án đầu tư.		GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. - Thuyết giảng, đối thoại, giải quyết vấn đề, câu hỏi gợi mở.		A1 A2.3

9	Chương 4 các chỉ tiêu phân tích tài chính dự án đầu tư 4.2 Giá trị theo thời gian của tiền tệ	3LT 1BT	- SV vận dụng giải tốt bài tập liên quan đến lựa chọn dự án khả thi theo chỉ tiêu phân tích hiệu quả tài chính		GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. - Thuyết giảng, đối thoại, giải quyết vấn đề, câu hỏi gợi mở.	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	
10	Chương 4 Tiếp theo 4.3 Các chỉ tiêu phân tích hiệu quả tài chính dự án đầu tư	3LT 1BT			GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. - Thuyết giảng, đối thoại, giải quyết vấn đề, câu hỏi gợi mở.	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	
11	Chương 5: Phân tích rủi ro của dự án đầu tư. 5.1 Phân tích bất định	3LT 1BT	Có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về các chỉ tiêu tài chính. - Có khả năng vận dụng và thực hành		GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn.	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên	

	và phân tích bất định		các chỉ tiêu tài chính vào các dự án đầu tư của doanh nghiệp. - Có khả năng lập dự án đầu tư cụ thể và đánh giá tính khả thi của dự án và lựa chọn dự án hiệu quả về mặt tài chính.		- Thuyết giảng, đối thoại, giải quyết vấn đề, câu hỏi gợi mở.	quan ở các tài liệu [2], [3], [4]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	
12	Chương 5: Phân tích rủi ro của dự án đầu tư. 5.2 Phân tích độ nhạy	3LT 1BT			GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. - Thuyết giảng, đối thoại, giải quyết vấn đề, câu hỏi gợi mở.	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	A1 A3
Theo lịch thi	Kiểm tra cuối kì						A4

(*) Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/BT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, bài tập, thực hành, thực tập của từng chương
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà

7. Học liệu

Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	TS. Bùi Khắc Hoài Phương	2021	<i>Giáo trình Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư</i>	Lưu hành nội bộ, Trường Đại học Quảng Bình.
Sách, giáo trình tham khảo				
2	Nguyễn Bạch Nguyệt	2012	<i>Giáo trình Lập dự án đầu tư</i>	NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân.
3	Đỗ Phú Trần Tinh	2005	<i>Giáo trình lập và thẩm định dự án đầu tư</i>	Nhà xuất bản Giao thông vận tải..
4	Vũ Công Tuấn	2010	<i>Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư: Lý thuyết và bài tập</i>	Nhà xuất bản Thống kê
5	Nguyễn Bạch Nguyệt	2007	<i>Giáo trình kinh tế đầu tư</i>	NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân.

8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường A	<i>Projector, máy tính cá nhân</i>	1	<i>Chương 1</i>
2	Giảng đường A	<i>Projector, máy tính cá nhân</i>	1	<i>Chương 2</i>
3	Giảng đường A	<i>Projector, máy tính cá nhân</i>	1	<i>Chương 3</i>
4	Giảng đường A	<i>Projector, máy tính cá nhân</i>	1	<i>Chương 4</i>
5	Giảng đường A	<i>Projector, máy tính cá nhân</i>	1	<i>Chương 5</i>

9. Rubric đánh giá

Đánh giá chuyên cần (Attendace Check): Rubric 1

Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Chuyên cần	Không đi học (<30%).	Đi học không chuyên cần (<50%).	Đi học khá chuyên cần (<70%).	Đi học chuyên cần (<90%).	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (>=90 %).	50%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	50%

Đánh giá bài tập (Work Assignment): Rubric 3

Rubric 3: Bài tập (Work Assignment)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nộp bài tập	Không nộp bài tập hoặc hoàn thành <30% khối lượng công việc được giao	Nộp bài tập hoàn thành <50% khối lượng công việc được giao. Chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập hoàn thành <70% khối lượng công việc được giao. Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập hoàn thành <90% khối lượng công việc được giao. Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ >=90% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định.	20%
Trình bày bài tập	Kém	Còn rất nhiều lỗi	Còn nhiều lỗi	Tương đối tốt	Rất tốt	30%
Nội dung bài tập	Không có bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Nội dung đúng, rõ ràng.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	50%

Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation)

Rubric 4: Thuyết trình (Oral Presentation)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp với yêu cầu.	Nội dung chưa phù hợp với yêu cầu, hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng.	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ chưa tốt. Hình ảnh minh họa, trình bày còn hạn chế.	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa, trình bày còn hạn chế.	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú.	50%
Trình bày slide	Slide trình bày quá sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ và hình ảnh rõ ràng	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần (introduction, body and conclusion)	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần, thể hiện sự thành thạo trong trình bày	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần. Thuật ngữ sử dụng đơn giản dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ.	25%
Thuyết trình	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định. Sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ. Người nghe không hiểu.	Bài trình bày đầy đủ. Giọng nói nhỏ, phát âm còn một số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe khi trình bày.	Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe. Người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày.	Phần trình bày ngắn gọn, dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu được nội dung trình bày.	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định.	25%

Đánh giá kiểm tra viết (Written Exam): Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn.

Đánh giá báo cáo (Written Report)

Rubric 6: Báo cáo (Written Report)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung báo cáo	Không có hoặc nội dung được trình bày trong báo cáo không phù hợp với yêu cầu.	Nội dung trình bày trong báo cáo đầy đủ theo yêu cầu. Tính toán sai, không cụ thể, không đáp ứng yêu cầu.	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, còn một số nhầm lẫn trong tính toán, một số nội dung chưa hợp lý	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, trình tự tính toán hợp lý, tính toán chính xác. Kết quả tính toán và chọn chưa có giải thích cụ thể, chưa thuyết phục.	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, tính toán chi tiết, rõ ràng, logic, trình tự tính toán hợp lý. Kết quả tính toán và chọn có sự phân tích, lý giải cụ thể, rõ ràng và thuyết phục.	60%
Trình bày báo cáo	Không có hoặc nội dung được trình bày trong báo cáo không phù hợp với yêu cầu.	Trình tự trình bày trong báo cáo không đúng. Nội dung phù hợp theo yêu cầu. Hình vẽ, bảng biểu còn nhiều mâu thuẫn với nội dung.	Nội dung, trình tự trình bày báo cáo phù hợp theo yêu cầu. Trình bày còn một số lỗi về chính tả, kích thước, ghi chú chưa đầy đủ.	Nội dung phù hợp. Trình tự, cấu trúc logic, rõ ràng đáp ứng yêu cầu. Hình ảnh, bảng biểu rõ ràng, logic, ghi chú phù hợp. Thể hiện kỹ năng soạn thảo văn bản còn hạn chế.	Nội dung phù hợp. Trình tự, cấu trúc logic, rõ ràng đáp ứng yêu cầu. Hình ảnh, bảng biểu rõ ràng, logic, ghi chú phù hợp. Thể hiện việc sử dụng thành thạo máy tính trong trình bày báo cáo.	40%

Quảng Bình, ngày....tháng....năm 2021

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Bùi Khắc Hoài Phương

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Quản trị kinh doanh Mã số: 7340101

1. Thông tin chung

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Kết thúc môn học này, sinh viên có khả năng hiểu được các thông tin cơ bản về tài chính – tín dụng; mô tả và giải thích được cơ chế vận hành của hệ thống tài chính và thị trường tài chính, sự luân chuyển các nguồn tài chính trong hệ thống tài chính; phân tích được mối quan hệ giữa tiền tệ, tín dụng, lãi suất và thị trường tài chính. Vận dụng những kiến thức học được từ môn học này, sinh viên có thể: (i) lý giải các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực tài chính – tín dụng (ii) làm cơ sở cho việc phân tích sâu hơn các vấn đề về tín dụng và chính sách tín dụng của hệ thống ngân hàng. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được phát triển kỹ năng làm việc theo nhóm, thái độ tích cực, chủ động để đáp ứng tốt hơn cho công việc của mình.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức

- Có khả năng tổng hợp được khối kiến thức về tài chính – tín dụng, bao gồm lý luận cơ bản về tài chính và cấu trúc hệ thống tài chính, khái quát những nội dung cơ bản các khâu trong hệ thống tài chính: tài chính công, tài chính doanh nghiệp; các định chế tài chính trung gian, tín dụng và lãi suất hoạt động thị trường tài chính; Các nghiệp vụ của ngân hàng thương mại và ngân hàng trung ương.

- Có kiến thức chuyên sâu về lý thuyết tài chính – tín dụng, phân tích được sự vận động và cơ chế tác động của các công cụ tài chính, từ đó đánh giá được hiệu quả thực thi của chính sách tiền tệ, lãi suất. Hiểu được các nghiệp vụ chủ yếu của ngân hàng thương mại, từ đó đánh giá và phân tích được hoạt động cơ bản của ngân hàng, vận dụng kiến thức để đánh giá được hiệu quả hoạt động của các tổ chức tài chính.

2.2.2. Về kỹ năng

Sinh viên vận dụng những kiến thức cơ bản trong môn học để hình thành các kỹ năng như phân tích, đánh giá hoạt động của thị trường tài chính và các khâu tài chính như tài chính công, tài chính doanh nghiệp, quan sát, phân tích và nhận biết các hoạt động của các khâu tài chính, thị trường tài chính, các trung gian tài chính. Có kỹ năng phân tích, xử lý các thông tin đã thu thập để bình luận, đánh giá hoạt động của các khâu tài chính, trung gian tài chính, thị trường tài chính, các nghiệp vụ huy động vốn và cho vay của ngân hàng thương mại, chính sách lãi suất và chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương.

2.2.3. Về thái độ

Sinh viên cần có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc để đạt được các tiêu chuẩn đạo đức, chuyên môn trong công việc, có tinh thần hợp tác, làm việc theo nhóm, thái độ thiện chí trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến công việc, có tinh thần, trách nhiệm cao trong công việc..

3. Chuẩn đầu ra (CLO)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO
CLO1	Có kiến thức lý thuyết toàn diện, kiến thức vững chắc về các nội dung tài chính, tín dụng và ngân hàng.
CLO2	Sinh viên vận dụng những kiến thức đã học để hình thành các kỹ năng phân tích đánh giá hoạt động của thị trường tài chính, phân tích, xử lý các thông tin về hoạt động của hệ thống tài chính, trung gian tài chính, thị trường tài chính, các nghiệp vụ huy động vốn và cho vay của ngân hàng thương mại, chính sách lãi

	suất và chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương.
CLO3	Kỹ năng tự học, tư duy sáng tạo, phân tích, tổng hợp và vận dụng sáng tạo kiến thức được học để giải quyết vấn đề gặp phải; kỹ năng làm việc theo nhóm và kỹ năng làm việc độc lập.
CLO4	Sinh viên được cung cấp kiến thức chuyên môn và các kỹ năng mềm nhằm độc lập, tự chủ thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau, có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, có khả năng chỉ đạo và tổ chức thực hiện các hoạt động chuyên môn.

4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
CLO 1	R	M	R	I	I			I				I
CLO 2	M	M	M	R	I	R	R	R		M	I	R
CLO 3	M		M	R		I		I	I	M	I	M
CLO 4			M	R		I		I		M		R
Tổng hợp học phần	M	M	M	R	I	I	R	I	I	M	I	R

Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

5. Đánh giá

a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV

Thành phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu X nếu có)	Lquan đến CDR nào ở bảng 1	Hướng dẫn phương pháp đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ)	10%			X	CLO3	Đánh giá theo Rubric 1
A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	30%	A2.1. Nội dung cơ bản về tài chính, tín dụng	30%	X	CLO 1 CLO 2	Đánh giá theo Rubric 3; kiểm tra viết theo thang điểm 10; Bài tiểu luận
		A2.2. Các bài tập về lãi suất	30%	X	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4	
		A2.3. Nội dung về chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương	40%	X	CLO 1 CLO 2	
A3. Đánh giá cuối kỳ	60%	Bài thi cuối kỳ: Viết/ vấn đáp/ Bài tập lớn		X	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4	Theo bài kiểm tra viết thang điểm 10 hoặc Rubric 5, Rubric 6.

Ghi chú: Tùy theo yêu cầu, đặc điểm của từng học phần, bộ môn có thể điều chỉnh thành phần và trọng số, trọng số con của các thành phần đánh giá. Tuy nhiên, phải đảm bảo đánh giá cuối kỳ không dưới 50%.

b. Yêu cầu đối với học phần: Sinh viên phải tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $> 20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần

Tuần	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 2 số)	Số tiết (LT, BT/ TH/ TT)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CĐR nào ở bảng 1	PP giảng dạy, tài liệu và cơ sở vật chất, thiết bị cần thiết để đạt CĐR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 3)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Chương 1: Những vấn đề cơ bản về tài chính 1.1. Sự ra đời và phát triển của tài chính 1.2 Bản chất của tài chính 1.3 Chức năng của tài chính 1.4 Nguồn tài chính và hệ thống tài chính 1.5 Vai trò của tài chính trong nền kinh tế thị trường	4 LT	- Có kiến thức lý thuyết về vấn đề cơ bản về tài chính: sự ra đời và phát triển của tài chính; Bản chất của tài chính; Chức năng của tài chính; Nguồn tài chính và hệ thống tài chính; Vai trò của tài chính trong nền kinh tế thị trường.	CLO1 CLO2	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn Thuyết giảng, đối thoại, giải quyết vấn đề, câu hỏi gợi mở, đặt tình huống và giải quyết tình huống.	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (tài liệu [1]) - Phần chuẩn bị trên lớp: đặt câu hỏi, trả lời câu hỏi	A1
2	Chương 2: Thị trường tài chính	4 LT	Nắm được những nội dung cơ bản về thị trường tài chính và cấu trúc của thị	CLO1 CLO2	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để	- Phần chuẩn bị ở nhà:	A1

	2.1. Khái niệm 2.2 Cấu trúc thị trường tài chính		trường tài chính		hướng dẫn. Thuyết giảng, đối thoại, giải quyết vấn đề, câu hỏi gợi mở, đặt tình huống và giải quyết tình huống, đóng vai.	Đọc trước nội dung (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [[2], [3], [4]. - Phân chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	
3	Chương 2: Tiếp theo 2.3 Các công cụ của thị trường tài chính 2.4 Những rào cản trong kênh tài chính trực tiếp	4 LT	Nắm được các kiến thức chuyên sâu về các công cụ của thị trường tài chính: cổ phiếu, trái phiếu, thương phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi; Phân tích được những rào cản và hạn chế của kênh tài chính trực tiếp.	CLO1 CLO2 CLO3	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn Thuyết giảng, đối thoại, giải quyết vấn đề, câu hỏi gợi mở, đặt tình huống và giải quyết tình huống, đóng vai.	- Phân chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4]. - Phân chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	
4	Chương 3: Các tổ chức tài chính trung gian 3.1 Khái niệm	4 LT	Hiểu được các kiến thức về tổ chức tài chính, các loại hình tài chính, vai trò và cơ chế vận hành của các tổ chức tài chính.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn		

	3.2 Vai trò của trung gian tài chính trong việc khắc phục hạn chế của kênh TCTT 3.3 Các loại hình trung gian tài chính 3.4 Các tổ chức tiết kiệm theo hợp đồng						
5	Chương 3: Tiếp theo 3.5 Các trung gian đầu tư 3.6 Ngân hàng thương mại	3 LT 1BT	Nắm được nội dung các hoạt động cơ bản của ngân hàng thương mại: nghiệp vụ sử dụng vốn, nghiệp vụ huy động vốn, nghiệp vụ trung gian. Phân tích được các giải pháp huy động vốn cũng như các hoạt động cấp tín dụng của ngân hàng thương mại, vận dụng đánh giá tổng quan về hoạt động cơ bản của ngân hàng thương mại	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Thuyết giảng, đối thoại, giải quyết vấn đề, câu hỏi gợi mở, đặt tình huống và giải quyết tình huống, đóng vai.		
6	Chương 4: Tín dụng và lãi suất tín dụng 4.1 Sự ra đời và phát triển của tín dụng 4.2 Bản chất của tín dụng	3LT	Nắm được khái niệm về lãi suất, phân biệt các loại lãi suất, bản chất của tín dụng.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn Thuyết giảng, đối thoại, giải quyết vấn đề, câu hỏi gợi mở, đặt tình huống và giải quyết tình huống.	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4].	A1 A2.2.

						- Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	
7	Chương 4: Tiếp theo 4.3 Lãi suất tín dụng 4.4 Phương pháp tính lãi suất 4.5 Những nhân tố ảnh hưởng đến lãi suất	3 LT 1 BT	Tính toán được các bài toán về lãi xuất, vận dụng được các tính lãi của các công cụ tài chính và có những đề xuất huy động vốn cho doanh nghiệp, cá nhân với chi phí huy động vốn tối ưu.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn Thuyết giảng, đối thoại, giải quyết vấn đề, câu hỏi gợi mở, đặt tình huống và giải quyết tình huống, đóng vai.	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	
8	Chương 5: Tài chính doanh nghiệp 5.1 Khái niệm 5.2 Nguồn vốn kinh doanh và các giải pháp huy động	3LT	Nắm vững kiến thức về tài chính doanh nghiệp. Đánh giá nguồn vốn và các kênh huy động vốn của doanh nghiệp. Đánh giá chi phí doanh và giá thành sản phẩm của doanh nghiệp. Xác định được thu nhập và lợi nhuận của doanh nghiệp	CLO1 CLO2 CLO3	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn Thuyết giảng, đối thoại, giải quyết vấn đề, câu hỏi gợi mở, đặt tình huống và giải quyết tình huống, đóng vai.	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi,	

						thảo luận nhóm, làm bài tập	
9	Chương 5: Tiếp theo 5.3 Chi phí kinh doanh và giá thành sản phẩm của doanh nghiệp 5.4 Thu nhập và lợi nhuận của doanh nghiệp	3LT		CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn Thuyết giảng, đối thoại, giải quyết vấn đề, câu hỏi gợi mở, đặt tình huống và giải quyết tình huống, đóng vai.		A1
10	Chương 6: Ngân sách nhà nước 6.1 Khái niệm 6.2 Vai trò của ngân sách nhà nước	2 LT 1 BT	Có kiến thức về hoạt động thu – chi ngân sách nhà nước. Phân tích được các nội dung thu và chi ngân sách, vận dụng các kiến thức để đánh giá thực trạng thu chi ngân sách nhà nước, từ đó đề xuất các kiến nghị nhằm đảm	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn Thuyết giảng, đối thoại, giải quyết vấn đề, câu hỏi gợi mở, đặt tình huống và giải quyết	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4].	
11	Chương 6: Tiếp theo 6.3 Thu ngân sách nhà nước 6.4 Chi ngân sách nhà nước	2 LT 1 BT	bảo cân đối thu chi ngân sách nhà nước của từng địa phương cụ thể và ngân sách trung ương.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	tình huống, đóng vai. .	- Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	A1

12	Chương 7: Ngân hàng trung ương và chính sách tiền tệ quốc gia 7.1 Khái niệm 7.2 Chức năng của ngân hàng trung ương	2 LT 1 BT	Nắm được những nội dung cơ bản về ngân hàng trung ương: khái niệm, chức năng của ngân hàng trung ương. Có kiến thức về các công cụ tài chính và giải thích được cơ chế tác động của các công cụ của chính sách tiền tệ.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn Thuyết giảng, đối thoại, giải quyết vấn đề, câu hỏi gợi mở, đặt tình huống và giải quyết tình huống, đóng vai.	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	A1 A2.3
13	Chương 7: Tiếp theo 7.3 Chính sách tiền tệ quốc gia	3LT					
Theo lịch thi	Kiểm tra cuối kì						A3

(*) Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/BT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, bài tập, thực hành, thực tập của từng chương
- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà

7. Học liệu

Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
	Giáo trình chính			
1	TS. Bùi Khắc Hoài Phương	2021	<i>Bài giảng Tài chính tín dụng</i>	Lưu hành nội bộ, Trường Đại học Quảng Bình.
	Sách, giáo trình tham khảo			
2	PGS.TS. Tô Kim Ngọc	2012	<i>2012 Giáo trình tiền tệ - ngân hàng</i>	NXB Dân Trí
3	Mai Siêu, Dương Đức Hạt	2005	<i>Giáo trình Tài chính và tiền tệ,</i>	NXB Thống kê.
4	TS. Bùi Khắc Hoài Phương	2021	<i>Giải pháp phát triển bền vững hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam phù hợp với xu thế hội nhập</i>	NXB Đại học Huế

8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường A	<i>Projector, máy tính cá nhân</i>	1	<i>Chương 1</i>
2	Giảng đường A	<i>Projector, máy tính cá nhân</i>	1	<i>Chương 2</i>
3	Giảng đường A	<i>Projector, máy tính cá nhân</i>	1	<i>Chương 3</i>
4	Giảng đường A	<i>Projector, máy tính cá nhân</i>	1	<i>Chương 4</i>
5	Giảng đường A	<i>Projector, máy tính cá nhân</i>	1	<i>Chương 5</i>
6	Giảng đường A	<i>Projector, máy tính cá nhân</i>	1	<i>Chương 6</i>
7	Giảng đường A	<i>Projector, máy tính cá nhân</i>	1	<i>Chương 6</i>
8	Giảng đường A	<i>Projector, máy tính cá nhân</i>	1	<i>Chương 7</i>

9. Rubric đánh giá

Đánh giá chuyên cần (Attendace Check): Rubric 1

Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Chuyên cần	Không đi học (<30%).	Đi học không chuyên cần (<50%).	Đi học khá chuyên cần (<70%).	Đi học chuyên cần (<90%).	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (>=90 %).	50%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	50%

Đánh giá bài tập (Work Assignment): Rubric 3**Rubric 3: Bài tập (Work Assignment)**

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nộp bài tập	Không nộp bài tập hoặc hoàn thành <30% khối lượng công việc được giao	Nộp bài tập hoàn thành <50% khối lượng công việc được giao. Chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập hoàn thành <70% khối lượng công việc được giao. Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập hoàn thành <90% khối lượng công việc được giao. Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ >=90% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định.	20%
Trình bày bài tập	Kém	Còn rất nhiều lỗi	Còn nhiều lỗi	Tương đối tốt	Rất tốt	30%
Nội dung bài tập	Không có bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Nội dung đúng, rõ ràng.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	50%

Đánh giá kiểm tra viết (Written Exam): Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn.

Đánh giá thi vấn đáp (Oral Exam): Rubric 5.

Rubric 5: Thi vấn đáp (Oral Exam)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Thái độ trả lời câu hỏi	Thái độ giao tiếp, trả lời thô lỗ, không hợp tác, thiếu tôn trọng trong giao tiếp. Sử dụng thuật ngữ không phù hợp, giọng nói khó nghe.	Thái độ giao tiếp, trả lời câu hỏi lễ độ. Sử dụng các thuật ngữ trong câu trả lời phức tạp, khó hiểu. Giọng nói nhỏ, thiếu tự tin.	Thái độ giao tiếp, trả lời nhẹ nhàng, hòa nhã. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe. Thuật ngữ sử dụng trong câu trả lời phù hợp, dễ hiểu.	Thái độ trong câu trả lời tự tin, từ tốn, nhẹ nhàng, điềm đạm. Thuật ngữ sử dụng trong câu trả lời đơn giản, dễ hiểu. Giọng nói lưu loát, rõ ràng.	Thái độ giao tiếp, trả lời rất tự tin, Giọng nói rõ ràng, lưu loát. thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe.	20%
Nội dung trả lời	Các câu trả lời hoàn toàn không liên quan đến câu hỏi.	Các câu trả lời không rõ ràng, gần như không liên, không tập trung vào trọng tâm của câu hỏi.	Các câu trả lời đúng trọng tâm câu hỏi, liên quan đến câu hỏi nhưng thiếu tự tin trong các câu trả lời.	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan đến câu hỏi yêu cầu. Thể hiện sự tự tin về sự hiểu biết trong câu trả lời, lập luận giải thích chưa thuyết phục.	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan trực tiếp đến câu hỏi yêu cầu; tự tin trong câu trả lời; lập luận, giải thích cho câu hỏi hoàn toàn thuyết phục.	80%

Đánh giá báo cáo (Written Report)

Rubric 6: Báo cáo (Written Report)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung báo cáo	Không có hoặc nội dung được trình bày trong báo cáo không phù hợp với yêu cầu.	Nội dung trình bày trong báo cáo đầy đủ theo yêu cầu. Tính toán sai, không cụ thể, không đáp ứng yêu cầu.	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, còn một số nhầm lẫn trong tính toán, một số nội dung chưa hợp lý	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, trình tự tính toán hợp lý, tính toán chính xác. Kết quả tính toán và chọn chưa có giải thích cụ thể, chưa thuyết phục.	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, tính toán chi tiết, rõ ràng, logic, trình tự tính toán hợp lý. Kết quả tính toán và chọn có sự phân tích, lý giải cụ thể, rõ ràng và thuyết phục.	60%
Trình bày báo cáo	Không có hoặc nội dung được trình bày trong báo cáo không phù hợp với yêu cầu.	Trình tự trình bày trong báo cáo không đúng. Nội dung phù hợp theo yêu cầu. Hình vẽ, bảng biểu còn nhiều mâu thuẫn với nội dung.	Nội dung, trình tự trình bày báo cáo phù hợp theo yêu cầu. Trình bày còn một số lỗi về chính tả, kích thước, ghi chú chưa đầy đủ.	Nội dung phù hợp. Trình tự, cấu trúc logic, rõ ràng đáp ứng yêu cầu. Hình ảnh, bảng biểu rõ ràng, logic, ghi chú phù hợp. Thể hiện kỹ năng soạn thảo văn bản còn hạn chế.	Nội dung phù hợp. Trình tự, cấu trúc logic, rõ ràng đáp ứng yêu cầu. Hình ảnh, bảng biểu rõ ràng, logic, ghi chú phù hợp. Thể hiện việc sử dụng thành thạo máy tính trong trình bày báo cáo.	40%

Quảng Bình, ngày....tháng....năm 2021

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

TS. Trần Tự Lực

Bùi Khắc Hoài Phương

Bùi Khắc Hoài Phương

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Kế toán Mã số: 7340301

1. Thông tin chung

1.1. Tên học phần: Phân tích báo cáo tài chính	1.2. Tên tiếng Anh: Financial Statements Analysis
1.3. Mã học phần: KTBCTC.050	1.4. Số tín chỉ: 02
1.5. Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	24 tiết
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	6 tiết
- Tự học:	60 tiết
1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	TS. Bùi Khắc Hoài Phương
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Các giảng viên bộ môn Tài chính – kinh tế cơ sở theo sự phân công
1.7. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Nguyên lý kế toán
- Học phần học trước:	Không có
- Học phần song hành:	Không có

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Kết thúc môn học này, sinh viên có khả năng đọc, hiểu các thông tin cơ bản về tình hình tài chính của doanh nghiệp, thông qua mối quan hệ giữa các khoản mục trên bảng cân đối sẽ đánh giá được tình hình biến động cũng như kết cấu vốn, nguồn vốn của doanh nghiệp. Khả năng sinh lời, tình hình lưu chuyển vốn, khả năng thanh toán của doanh nghiệp. Vận dụng những kiến thức học được từ môn học này, sinh viên có thể: (i) Phân tích các báo cáo tài chính của doanh nghiệp bằng các phương pháp khác nhau (ii) Phân tích hoạt động của doanh nghiệp làm cơ sở xếp hạng năng lực tài chính của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được phát triển kỹ năng làm việc theo nhóm, thái độ tích cực, chủ động để đáp ứng tốt hơn cho công việc của mình.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức

- Có khả năng tổng hợp được khối kiến thức về các phương pháp phân tích báo cáo tài chính. Hiểu rõ các chỉ tiêu phân tích tình hình sản xuất, các chỉ tiêu phân tích chi phí, doanh thu và lợi nhuận, khả năng thanh toán, cấu trúc tài chính và hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- Có kiến thức chuyên sâu về phân tích báo cáo tài chính của doanh nghiệp, phân tích và giải thích được ý nghĩa của báo cáo tài chính, từ đó vận dụng nhằm đánh giá và xếp loại năng lực tài chính của từng doanh nghiệp.

2.2.2. Về kỹ năng

Sinh viên vận dụng những kiến thức cơ bản trong môn học để hình thành các kỹ năng như phân tích báo cáo tài chính, phân tích các chỉ số tài chính trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Phân tích và nhận biết các hoạt động của các doanh nghiệp, có kỹ năng phân tích, xử lý các thông tin đã thu thập để bình luận, đánh giá xếp hạng năng lực tài chính của doanh nghiệp.

2.2.3. Về thái độ

Sinh viên cần có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc để đạt được các tiêu chuẩn đạo đức, chuyên môn trong công việc, có tinh thần hợp tác, làm việc theo nhóm, thái độ thiện chí trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến công việc, có tinh thần, trách nhiệm cao trong công việc.

3. Chuẩn đầu ra (CLO)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO
CLO1	Có kiến thức vững chắc về các nội dung cơ bản và chuyên sâu về đọc và phân tích báo cáo tài chính thông qua các phương pháp cũng như các nội dung cần phân tích như phân tích tất cả các bảng báo cáo tài chính và kết hợp các báo cáo này sẽ phân tích các tỷ số tài chính.
CLO2	Vận dụng những kiến thức đã học để hình thành các kỹ năng phân tích các báo cáo tài chính của doanh nghiệp.
CLO3	Phân tích, đánh giá, xếp loại năng lực tài chính của doanh nghiệp
CLO4	Kỹ năng làm việc theo nhóm và kỹ năng làm việc độc lập để hoàn thành nhiệm vụ được giao; kỹ năng giao tiếp, lắng nghe, trình bày, thảo luận và thuyết phục người khác.

4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
CLO 1	I	M	R				R	I				R
CLO 2	M	M	R	R	M	R	M		I	M	I	M
CLO 3	M	M	M	M	M	M,A			R	M	M	M
CLO 4		M		M	R	M,A	M		R	M	M	M
Tổng hợp học phần	M	M	R	M	M	M,A	M	I	R	M	M	M

Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

5. Đánh giá

a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV

Thành phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu X nếu có)	Liên quan đến CDR nào ở bảng 1	Hướng dẫn phương pháp đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ)	10%			X	CLO4	<i>Đánh giá theo Rubric 1</i>
A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	30%	A2.1. Phân tích cấu trúc vốn, khả năng thanh toán của doanh nghiệp	30%	X	CLO 1 CLO 2 CLO 3	<i>Đánh giá theo Rubric 3; kiểm tra viết theo thang điểm 10 Bài tiểu luận</i>
		A2.2. Phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp	30%	X	CLO 1; CLO 2 CLO 3; CLO 4	
		A2.3 Phân tích hiệu quả kinh doanh	40%	X	CLO 1; CLO 2 CLO 4	
A3. Đánh giá cuối kỳ	60%	Bài thi cuối kỳ: Viết hoặc bài tập lớn		X	CLO 1; CLO 2 CLO 3; CLO 4	<i>Theo bài kiểm tra viết thang điểm 10 hoặc Rubric 6</i>

Ghi chú: Tùy theo yêu cầu, đặc điểm của từng học phần, bộ môn có thể điều chỉnh thành phần và trọng số, trọng số con của các thành phần đánh giá. Tuy nhiên, phải đảm bảo đánh giá cuối kỳ không dưới 50%.

b. Yêu cầu đối với học phần: Sinh viên phải tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $> 20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần

Tuần	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 2 số)	Số tiết (LT, BT/ TH/ TT)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CDR nào ở bảng 1	PP giảng dạy , tài liệu và cơ sở vật chất, thiết bị cần thiết để đạt CDR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 3)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Chương 1: Tổng quan về phân tích báo cáo tài chính 1.1 Mục tiêu của báo cáo tài chính 1.2 Các phương pháp phân tích báo cáo tài chính	4LT	Hiểu rõ những nội dung tổng quan về phân tích báo cáo tài chính của doanh nghiệp: mục tiêu, các phương pháp phân tích báo cáo tài chính	CLO1 CLO2	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. - Thuyết giảng, đối thoại, giải quyết vấn đề, câu hỏi gợi mở.	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (tài liệu [1]) - Phần chuẩn bị trên lớp: đặt câu hỏi, trả lời câu hỏi	A1

2	Chương 2: Các báo cáo tài chính của doanh nghiệp 2.1 Bảng cân đối kế toán	2LT	Nắm rõ nội dung, cấu trúc, ý nghĩa của các báo cáo tài chính của doanh nghiệp: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo thu nhập, Báo cáo ngân lưu.	CLO 1 CLO 2	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. - Thuyết giảng, đối thoại, giải quyết vấn đề, câu hỏi gợi mở.	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [[2], [3], [4]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	A1 A2.1
	Chương 2: Tiếp theo 2.2 Báo cáo thu nhập 2.3 Báo cáo ngân lưu	3LT	Nắm rõ nội dung, cấu trúc, ý nghĩa của các báo cáo tài chính của doanh nghiệp: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo thu nhập, Báo cáo ngân lưu.	CLO 1 CLO 2	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. - Thuyết giảng, đối thoại, giải quyết vấn đề, câu hỏi gợi mở.	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [[2], [3], [4]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	
3	Chương 3: Phân tích cấu trúc tài chính và tình hình bảo đảm vốn	3LT	Nắm rõ lý thuyết về cấu trúc tài chính và tình hình bảo đảm vốn cho hoạt động kinh doanh.	CLO 1 CLO 2 CLO 4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn.	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (tài liệu [1]) có thể đọc	

	cho hoạt động kinh doanh 3.1 Khái niệm 3.2 Phân tích cấu trúc tài chính		Phân tích được cấu trúc tài chính và tình hình bảo đảm vốn cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.		dẫn. - Thuyết giảng, đối thoại, giải quyết vấn đề, câu hỏi gợi mở.	thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	
4	Chương 3: Tiếp theo 3.3 Phân tích tình hình bảo đảm vốn cho hoạt động kinh doanh	2LT 1BT		CLO 1 CLO 2 CLO 4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. - Thuyết giảng, đối thoại, giải quyết vấn đề, câu hỏi gợi mở.	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	A1 A2.2
5	Chương 4: Phân tích tình hình và khả năng thanh toán 4.1 Phân tích tình hình thanh toán	2LT 1BT	Có kiến thức vững chắc và phân tích được tình hình và khả năng thanh toán của doanh nghiệp: Phân tích tình hình thanh toán, Đánh giá khả năng thu hồi nợ, Đánh giá khái quát khả năng thanh toán.	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. - Thuyết giảng, đối thoại, giải quyết vấn đề, câu hỏi gợi mở.	Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4].	

						- Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	
6	Chương 4: Tiếp theo 4.2 Đánh giá khả năng thu hồi nợ	2LT 1BT		CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. - Thuyết giảng, đối thoại, giải quyết vấn đề, câu hỏi gợi mở.		
7	Chương 4: Tiếp theo 4.3 Đánh giá khái quát khả năng thanh toán	3LT 1BT			GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. - Thuyết giảng, đối thoại, giải quyết vấn đề, câu hỏi gợi mở.		
8	Chương 5: Phân tích hiệu quả kinh doanh 5.1 Phân tích khái quát hiệu quả kinh doanh	3LT 1BT	Phân tích hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. Vận dụng kiến thức phân tích tổng quan và chuyên sâu về tình hình tài	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn.		A1 A2.3

			chính của doanh nghiệp, làm cơ sở đánh giá, xếp loại năng lực tài chính của doanh nghiệp.		- Thuyết giảng, đối thoại, giải quyết vấn đề, câu hỏi gợi mở.		
9	Chương 5: Phân tích hiệu quả kinh doanh 5.2 Phân tích hiệu quả của công ty cổ phần 5.3 Phân tích hiệu quả sử dụng tài sản	3LT 1BT		CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. - Thuyết giảng, đối thoại, giải quyết vấn đề, câu hỏi gợi mở.		
Theo lịch thi	Kiểm tra cuối kì			CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4			A3

(*) Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/BT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, bài tập, thực hành, thực tập của từng chương
- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà

7. Học liệu

Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	TS. Bùi Khắc Hoài Phương	2021	<i>Bài giảng Phân tích báo cáo tài chính</i>	Lưu hành nội bộ, Trường Đại học Quảng Bình.
Sách, giáo trình tham khảo				
2	Nguyễn Văn Công	2010	<i>Giáo trình phân tích báo cáo tài chính</i>	NXB Giáo dục
3	Phan Đức Dũng	2013	<i>Phân tích báo cáo tài chính</i>	NXB Lao động-xã hội
4	Nguyễn Minh Kiều	2005	<i>Phân tích quản trị tài chính</i>	Nhà xuất bản Thống kê

8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường A	<i>Projector, máy tính cá nhân</i>	1	<i>Chương 1</i>
2	Giảng đường A	<i>Projector, máy tính cá nhân</i>	1	<i>Chương 2</i>
3	Giảng đường A	<i>Projector, máy tính cá nhân</i>	1	<i>Chương 3</i>
4	Giảng đường A	<i>Projector, máy tính cá nhân</i>	1	<i>Chương 4</i>
5	Giảng đường A	<i>Projector, máy tính cá nhân</i>	1	<i>Chương 5</i>

9. Rubric đánh giá

Đánh giá chuyên cần (Attendace Check): Rubric 1

Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Chuyên cần	Không đi học (<30%).	Đi học không chuyên cần (<50%).	Đi học khá chuyên cần (<70%).	Đi học chuyên cần (<90%).	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (>=90 %).	50%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	50%

Đánh giá bài tập (Work Assignment): Rubric 3**Rubric 3: Bài tập (Work Assignment)**

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nộp bài tập	Không nộp bài tập hoặc hoàn thành <30% khối lượng công việc được giao	Nộp bài tập hoàn thành <50% khối lượng công việc được giao. Chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập hoàn thành <70% khối lượng công việc được giao. Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập hoàn thành <90% khối lượng công việc được giao. Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ >=90% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định.	20%
Trình bày bài tập	Kém	Còn rất nhiều lỗi	Còn nhiều lỗi	Tương đối tốt	Rất tốt	30%
Nội dung bài tập	Không có bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Nội dung đúng, rõ ràng.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	50%

Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation)

Rubric 4: Thuyết trình (Oral Presentation)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp với yêu cầu.	Nội dung chưa phù hợp với yêu cầu, hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng.	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ chưa tốt. Hình ảnh minh họa, trình bày còn hạn chế.	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa, trình bày còn hạn chế.	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú.	50%
Trình bày slide	Slide trình bày quá sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ và hình ảnh rõ ràng	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần (introduction, body and conclusion)	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần, thể hiện sự thành thạo trong trình bày	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần. Thuật ngữ sử dụng đơn giản dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ.	25%
Thuyết trình	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định. Sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ. Người nghe không hiểu.	Bài trình bày đầy đủ. Giọng nói nhỏ, phát âm còn một số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe khi trình bày.	Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe. Người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày.	Phần trình bày ngắn gọn, dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu được nội dung trình bày.	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định.	25%

Đánh giá kiểm tra viết (Written Exam): Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn.

Đánh giá báo cáo (Written Report)

Rubric 6: Báo cáo (Written Report)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung báo cáo	Không có hoặc nội dung được trình bày trong báo cáo không phù hợp với yêu cầu.	Nội dung trình bày trong báo cáo đầy đủ theo yêu cầu. Tính toán sai, không cụ thể, không đáp ứng yêu cầu.	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, còn một số nhầm lẫn trong tính toán, một số nội dung chưa hợp lý	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, trình tự tính toán hợp lý, tính toán chính xác. Kết quả tính toán và chọn chưa có giải thích cụ thể, chưa thuyết phục.	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, tính toán chi tiết, rõ ràng, logic, trình tự tính toán hợp lý. Kết quả tính toán và chọn có sự phân tích, lý giải cụ thể, rõ ràng và thuyết phục.	60%
Trình bày báo cáo	Không có hoặc nội dung được trình bày trong báo cáo không phù hợp với yêu cầu.	Trình tự trình bày trong báo cáo không đúng. Nội dung phù hợp theo yêu cầu. Hình vẽ, bảng biểu còn nhiều mâu thuẫn với nội dung.	Nội dung, trình tự trình bày báo cáo phù hợp theo yêu cầu. Trình bày còn một số lỗi về chính tả, kích thước, ghi chú chưa đầy đủ.	Nội dung phù hợp. Trình tự, cấu trúc logic, rõ ràng đáp ứng yêu cầu. Hình ảnh, bảng biểu rõ ràng, logic, ghi chú phù hợp. Thể hiện kỹ năng soạn thảo văn bản còn hạn chế.	Nội dung phù hợp. Trình tự, cấu trúc logic, rõ ràng đáp ứng yêu cầu. Hình ảnh, bảng biểu rõ ràng, logic, ghi chú phù hợp. Thể hiện việc sử dụng thành thạo máy tính trong trình bày báo cáo.	40%

Quảng Bình, ngày....tháng....năm 2021

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Bùi Khắc Hoài Phương

